

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2021/DS-PT
Ngày 17 – 3 – 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 402/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 216/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Bà Trịnh Kim D, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3 , thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

- Bị đơn : Bà Huỳnh Kim P, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà P: Ông Ngô Đình C, sinh năm 1958; địa chỉ: P, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Ông Nguyễn Văn Trung, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Quốc Khởi, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh C (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh C ..

2. Ông Ngô Văn H1, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

4. Bà Trần Thị G, sinh năm 1948 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H1, ông T1, bà G: Bà Huỳnh Kim P, sinh năm 1974; địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện T, tỉnh C . (Vắng mặt).

5. Ông Đoàn Văn H2, sinh năm 1963 (Có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

7. Ông Lý Hiệp T3, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

8. Bà Phan Thị K, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Kim P, là bị đơn; Ngô Văn H1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Trịnh Kim D trình bày:*

Vào năm 2012, bà D nhận chuyển nhượng của ông Lý Hiệp T3 và bà Phan Thị K diện tích đất 540,5m², phần đất tọa lạc tại khóm 9, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đến ngày 13/11/2012, bà D được UBND huyện Trần Văn Thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2017, bà Huỳnh Kim P xây hàng rào lấn qua phần đất của bà D kích thước: chiều ngang: cạnh 13,3m và cạnh 1,44m; chiều dài: cạnh 4,3m và cạnh 31,17m; tổng diện tích tranh chấp với bà P là 121,9m². Sau khi xem xét thẩm định vào ngày 04/6/2020, bà D không yêu cầu phần đất ngang 13m, dài 4,3m; bà D chỉ yêu cầu phần đất có chiều dài: cạnh 30m và cạnh 29,97m; chiều ngang giáp với đất bà P 2,39m (hình tam giác), tổng diện tích bà D yêu cầu bà P trả lại là 35,7m².

Ngoài phần đất tranh chấp với bà P, ngày 03/9/2020 bà D có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Đoàn Trường Huỳnh phải trả lại cho bà D phần đất có kích thước chiều ngang: cạnh 14,24m và cạnh 14,04m; chiều dài: cạnh 5,35m và cạnh 2,70m; tổng diện tích yêu cầu ông H2 phải giao lại là 57,6m².

- *Theo bà Huỳnh Kim P trình bày:*

Vào năm 1988, bà sang nhượng lại của ông Đoàn Văn H2 phần đất ngang 12m, dài 79,17m, tổng diện tích là 950m²; đến ngày 27/02/2002 trả đủ tiền nên ông H2 mới làm giấy tay. Vào ngày 25/4/1988, cha bà là Huỳnh Văn T1 có nhận chuyển nhượng của ông H2 phần đất ngang 8m dài 55m, tổng diện tích là 440m², khi chuyển nhượng có làm giấy “đơn xin nhượng đất thổ cư”, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào năm 2002, bà P nhận chuyển nhượng của ông H2 phần đất ngang 5m, dài 30m . Năm 2015, bà P xây dựng hàng rào, lúc này có điện thoại cho bà D biết việc xây dựng hàng rào nhưng bà D nói làm đúng ranh thôi, bà D không đến chỉ ranh. Đến năm 2018 mới phát sinh tranh chấp với bà D. Bà P xác định không lấn đất của bà D, nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà D.

- *Theo ông Đoàn Văn H2, trình bày:*

Đối với phần đất tranh chấp giữa bà D và bà P nguồn gốc là đất của ông. Trước đây ông sang nhượng cho ông Nguyễn Văn Thành ngang 5m dài 30m; sang cho bà Võ Ngọc Thúy ngang 5,5m dài 30m; sang cho ông Lý Thành Can ngang

5,4m dài 30m; sang cho bà P ngang 5m dài 30m; khi chuyển nhượng cho những người này có làm giấy tay; đến năm 2015 hoặc năm 2016 bà P mới xây dựng hàng rào. Còn phần đất tranh chấp ông H2 xác định bà P không lấn chiếm đất bà D.

Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 04/6/2020 ông H2 xác định phần đất có kích thước chiều ngang: cạnh 14,24m và cạnh 14,04m; chiều dài: cạnh 5,35m và cạnh 2,70m, tổng diện tích là 57,6m² là đất của ông còn lại, ông không đồng ý theo yêu cầu của bà D.

- Theo bà Phan Thị K và ông Lý Hiệp T3, trình bày:

Vào năm 2012, ông T3, bà K có chuyển nhượng cho bà D phần đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp giấy chứng nhận do hộ bà K và ông T3 đứng tên, diện tích bao nhiêu không nhớ, khi chuyển nhượng cho bà D ông T3 bà K có chỉ vị trí đất chứ không đo đạc, việc chuyển nhượng thực hiện theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T3 bà K đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D để đi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, khi dẫn bà D đến vị trí đất chuyển nhượng có nói là đất ngang 15m dài 30m.

- Tại công văn số 1671/UBND-VP ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời xác định:

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, hộ bà Phan Thị K và ông Lý Hiệp T3 được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 705221 ngày 05/4/2012, phần đất tại khóm 9 thị trấn Sông Đốc huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, thửa số 19, tờ bản đồ số 16, diện tích là 540,5m² đất trồng cây lâu năm. Khi cấp giấy cho hộ bà K và ông T3 được cấp theo bản đồ địa chính năm 2005 (không đo đạc lại). Đến ngày 05/11/2012, hộ bà K và ông T3 chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho bà D. Đến ngày 13/11/2012, bà D được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BM 388366, tại thửa số 19, tờ bản đồ số 16 diện tích là 540,5m², đất trồng cây lâu năm. Do chuyển nhượng hết thửa đất, nên khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà D chỉ kế thừa diện tích trên giấy chứng nhận của hộ bà K và ông T3, không đo đạc lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 216/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trịnh Kim D. Buộc bà Huỳnh Kim P và ông Ngô Văn H1 có trách nhiệm trả lại cho bà Trịnh Kim D phần đất tranh chấp có các cạnh như sau: Ngang giáp với đất của bà P còn lại là 0,31m, cạnh dài giáp với đất bà P là 30m và cạnh dài 29,97cm, tổng diện tích là 9,29m² (các vị trí đất có mảnh trích đo số 628 ngày 15/7/2020 kèm theo).

Buộc bà Huỳnh Kim P và ông Ngô Văn H1 có trách nhiệm tháo dỡ di dời 13 cây trụ đá và lưới B40 trên phần đất tranh chấp để trả lại diện tích tranh chấp cho bà Trịnh Kim D.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Kim D yêu cầu ông Đoàn Trường Huỳnh trả lại diện tích đất là 56,7m². Buộc ông Đoàn Trường Huỳnh có trách nhiệm trả lại cho bà D phần đất có các cạnh như sau: cạnh ngang 14,24m, cạnh ngang 14,04m, cạnh dài 5,35m, cạnh dài 2.70m (kèm theo sơ đồ đo đạc số 628 ngày 15/7/2020).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Kim D yêu cầu bà Huỳnh Kim P trả lại phần đất diện tích là 26,41m².

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2020, bà Huỳnh Kim P và ông Ngô Văn H1 có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Kim D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Đình C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Kim P.

Phân tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư Trung phát biểu: Phần đất của bà D đã được chuyển nhượng qua nhiều người; ông T3 xác định phần đất ông chuyển nhượng cho bà D ngang là 15m. Do đó, không có căn cứ cho rằng bà P làm hàng rào lấn đất của bà D. Kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà P, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà D đối với bà P.

Ông C phát biểu: Bà D không xác định được phần đất của bà có kích thước chiều ngang, chiều dài là bao nhiêu, mà bà D chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho rằng bà P lấn đất là không có cơ sở. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà P, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D đối với bà P.

Bà D không có ý kiến tranh luận.

Ông H2 phát biểu: Ông chỉ chấp nhận phần đất của bà D diện tích theo giấy sang nhượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn H1 và căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Kim P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Ngô Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo. Ông H1 có văn bản ủy quyền cho bà Huỳnh Kim P tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm nhưng văn bản ủy quyền không thể hiện có nội dung bà P được ủy quyền lại cho người khác. Tại phiên tòa, ông C xác định ông chỉ đại diện theo ủy quyền của bà P, không liên quan đến việc ủy quyền của ông H1. Bà P là người đại diện theo ủy quyền của ông H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Kim P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Trịnh Kim D cho rằng bà P xây hàng rào lấn qua phần đất của bà D, nên khởi kiện yêu cầu bà P trả lại phần đất lấn chiếm diện tích theo đo đạc 35,7m². Bà P cho rằng không có lấn chiếm đất bà D nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của bà D.

[3] Xét nguồn gốc đất bà D, bà P đang sử dụng:

[3.1] Phần đất bà D sử dụng có nguồn gốc trước đây là của ông Đoàn Trường Huỳnh (Đoàn Văn H2. Năm 2002, ông H2 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Thanh ngang 5m, dài 30m; chuyển nhượng cho bà Võ Ngọc Thúy ngang 5,5m, dài 30m; chuyển nhượng cho ông Lý Thành Can ngang 5,4m, dài 30m. Như vậy, tổng ba phần đất mà ông H2 chuyển nhượng cho ông Thanh, bà Thúy, ông Can có kích thước chiều ngang là 15,90m. Đến năm 2003, những người này chuyển nhượng lại cho ông Lý Hiệp T3 và bà Phan Thị K; ông T3 và bà K được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/4/2012, tổng diện tích là 540,5m². Năm 2012, ông T3 và bà K chuyển nhượng toàn bộ phần đất lại cho bà D; bà D được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/11/2012, diện tích là 540,5m² theo diện tích đã cấp cho ông T3 và bà K.

[3.2] Phần đất của bà P sử dụng giáp ranh với phần đất bà D đang tranh chấp có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông H2 vào năm 2002, kích thước: ngang 5m, dài 30m, đến nay bà P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.3] Bà D, bà P quản lý sử dụng đất đến năm 2017 phát sinh tranh chấp, do bà D cho rằng bà P làm hàng rào lấn qua đất của bà D. Theo đo đạc thực tế, phần đất tranh chấp có kích thước ngang 2,39m, chiều dài cạnh 29,97m và cạnh 30m (hình tam giác), diện tích 35,7m².

[4] Xét thấy, khi chuyển nhượng đất giữa ông T3 và bà K với bà D không có đo đạc cụ thể, nhưng nguồn gốc đất này là do ông H2 chuyển nhượng cho ông Thanh, bà Thúy, ông Can có chiều ngang là 15,90m; ông Thanh, bà Thúy, ông Can chuyển nhượng lại cho ông T3 và bà K; ông T3 và bà K chuyển nhượng lại cho bà D; do đó, có cơ sở xác định phần đất của bà D có kích thước chiều ngang là 15,90m.

[5] Theo đo đạc thực tế, phần đất của bà D giáp với đất bà P chiều ngang hướng kênh cấp 3 là 14,24m, thiếu so với kích thước chiều ngang 15,90m nhưng bà D không tranh chấp; chiều ngang hướng lộ đất là 15,59m (đến hàng rào), chênh lệch thiếu là 0,31m. Trong khi đó, phần đất của bà P nhận chuyển nhượng của ông H2 kích thước chiều ngang chỉ 5m, nhưng khi bà P làm hàng rào phần đất có kích thước lớn hơn 5m. Như vậy, có cơ sở xác định bà P làm hàng rào đã lấn sang phần đất của bà D chiều ngang (hướng lộ đất) là 0,31m; chiều dài: cạnh 30m và cạnh 29,97m (hình tam giác). Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà D, buộc bà P và ông H1 có trách nhiệm trả lại phần đất chiều ngang 0,31m; chiều dài: cạnh 30m và cạnh 29,97m, tổng diện tích là 9,29m²; đồng thời buộc bà P và ông H1 tháo dỡ, di dời hàng rào trụ bê tông và lưới B40 trên phần đất tranh chấp để trả lại đất cho bà D là có căn cứ.

[6] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Kim P, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà P phải chịu theo quy định; ông H1 đã dự nộp được sung quỹ Nhà nước.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn H1.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Kim P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 216/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trịnh Kim D đối với bà Huỳnh Kim P.

Buộc bà Huỳnh Kim P và ông Ngô Văn H1 trả cho bà Trịnh Kim D phần đất tranh chấp có kích thước như sau: Chiều ngang giáp với đất của bà P, tính từ vị trí số 7 trở qua vị trí số 6 là 0,31m; chiều dài: cạnh giáp với đất bà P, tính từ vị trí số 5 đến vị trí số 7 là 30m và cạnh giáp với phần đất tranh chấp còn lại, tính từ vị trí số 5 đến vị trí 0,31m (tính từ vị trí số 7 trở qua vị trí số 6) là 29,97 m; tổng diện tích là 9,29m².

Buộc bà Huỳnh Kim P và ông Ngô Văn H1 có trách nhiệm tháo dỡ di dời các cây trụ đá và lưới B40 trên phần đất tranh chấp để trả lại diện tích tranh chấp cho bà Trịnh Kim D.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trịnh Kim D đối với bà Huỳnh Kim P phần đất diện tích tranh chấp còn lại là 26,41m².

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Kim D đối với ông Đoàn Văn H2.

Buộc ông Đoàn Văn H2 trả cho bà Trịnh Kim D phần đất tranh chấp có kích thước như sau: Chiều ngang: cạnh 14,24m và cạnh 14,04m; chiều dài: cạnh 5,35m và cạnh dài 2,70m; tổng diện tích là 56,7m².

(Kèm theo mảnh trích đo số 628 ngày 15/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T).

Bà D có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan có chức năng để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng cho đúng với diện tích đất thực tế.

- Về chi phí tố tụng số tiền 4.698.000 đồng: bà Huỳnh Kim P phải chịu số tiền 2.349.000 đồng, ông Đoàn Văn H2 phải chịu số tiền 2.349.000 đồng bà Trịnh

Kim D đã dự nộp. Nên bà P có trách nhiệm trả lại cho bà D số tiền 2.349.000 đồng, ông H2 có trách nhiệm trả lại cho bà D số tiền 2.349.000 đồng.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà P và ông H2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim P phải chịu số tiền 300.000 đồng; Ông Đoàn Trường Huỳnh phải chịu số tiền 300.000 đồng; Bà Trịnh Kim D phải chịu số tiền 300.000 đồng. Bà D đã dự nộp số tiền 600.000 đồng theo biên lai thu số 0008400 ngày 05/7/2018 và biên lai thu số 0004250 ngày 03/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, đối trừ bà D được nhận lại số tiền 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Kim P phải chịu số tiền 300.000 đồng. Bà P đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004378 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ chuyển thu án phí. Ông H1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004379 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được sung quỹ Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập